

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HS-ST

Ngày: 24/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Phan Công Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 03/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh P (Nguyễn Văn H, Hiền mùa Đ), sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố A, Phường G, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha không rõ, mẹ: bà Phạm Thị O, sinh năm 1966; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: Quyết định số 33/QĐ-XPHC ngày 07/6/2017 của Công an Phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND Phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp giáo dục tại phường với thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/11/2018, tạm giam ngày 15/11/2018. (Có mặt)

Người chứng kiến:

- Nguyễn Thanh T, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu phố C, Phường G, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Nguyễn Thành N, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu phố A, Phường G, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 16/4/2018, bị cáo P đến tiệm game bắn cá của Châu Văn Đ ở xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre mua của một người phụ nữ tên M (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) 02 tép ma túy đá với giá 200.000 đồng với mục đích để sử dụng. Mua xong, P cất giấu 02 tép ma túy đá vào túi quần phía sau bên trái của mình đang mặc rồi đi về nhà. Khoảng 09 giờ 35 phút ngày 16/4/2018, do nghi ngờ P sử dụng trái phép chất ma túy nên lực lượng Công an phường 7, thành phố Bến Tre mời P về trụ sở để làm việc. Tại đây, lực lượng Công an phường 7 kiểm tra và phát hiện P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên thông báo cho lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bến Tre đến lập biên bản phạm pháp quả tang đối với P và thu giữ tang vật. Sau khi bị khởi tố, P bỏ trốn, đến ngày 12/11/2018 thì P bị bắt theo quyết định truy nã.

Vật chứng thu giữ: Thu trong túi quần phía sau bên trái của P đang mặc 02 túi nylon màu trắng, hàn kín bốn phía, bên trong mỗi túi nylon đều có chứa tinh thể màu trắng nghi ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký và ghi tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thành N, Nguyễn Thanh P, Huỳnh Việt H và dấu tròn màu đỏ của Công an phường 7, thành phố Bến Tre).

Theo Kết luận giám định số 1836/C54B ngày 04/5/2018 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 gói nylon được niêm phong giám định là ma túy, có khối lượng 0,1758 gam, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSTPBT ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo P từ 01 đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có tài sản; Đối với 02 phong bì đựng ma túy đã sử dụng hết cho công tác giám định nên không đề cập đến.

Bị cáo P khai nhận vào khoảng 07 giờ ngày 16/4/2018, bị cáo đến tiệm game bắn cá của Châu Văn Đ ở xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre mua của một người phụ nữ tên M (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) 02 tép ma túy đá với giá 200.000 đồng với mục đích để sử dụng. Mua xong, bị cáo cất giấu 02 tép ma túy đá vào túi quần phía sau bên trái của mình đang mặc rồi đi về nhà. Khoảng 09 giờ 35 phút ngày 16/4/2018, lực lượng Công an phường 7, thành phố Bến Tre mời bị cáo về trụ sở để làm việc. Tại đây, lực lượng Công an phường 7 kiểm tra và phát hiện bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất

ma túy nên thông báo cho lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bến Tre đến lập biên bản phạm pháp quả tang đối với bị cáo và thu giữ tang vật. Bị cáo P xin được giảm nhẹ hình phạt, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo P có lời khai tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang ngày 16/4/2018, lời khai của người chứng kiến, phù hợp với kết quả giám định của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo P đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,1758 gram ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng.

[3] Bị cáo P là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn mua và cất giấu ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguy cơ phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo P có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính và bị áp dụng biện pháp giáo dục tại phường về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo P được hưởng như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo P về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đề nghị áp dụng là phù hợp với quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 phong bì đựng ma túy là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy nhưng đã sử dụng hết cho công tác giám định nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[9] Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo do không xác định được rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra chưa tiến hành làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo P phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thanh P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2018.

2. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Thanh P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được kháng cáo trong hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường G, thành phố BT (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình